

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/DS-ST

Ngày: 26 - 8 - 2024

V/v: Kiện đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG - TỈNH PHÚ THỌ.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Chính

Ông Nguyễn Ngọc Quang

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Thắng - Thư ký TAND huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Tiến Thành** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2024/ TLST-DS, ngày 08 tháng 7 năm 2024, về việc “Kiện đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXX-ST, ngày 31 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02/ 2024/ QĐ-TA, ngày 14 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1965 và bà Đào Thị Thúy N, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khu B, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ;

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1973 và bà Phan Thị H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu C, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Huy T, bà Đào Thị Thúy N trình bày:

Ngày 01/12/2022, vợ chồng ông T, bà N có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Phan Thị H vay số tiền là 92.000.000đ (Chín mươi hai triệu đồng). Khi vay vợ chồng ông T1, bà H có viết giấy vay nợ, lãi xuất hai bên thỏa thuận miệng là 1%/ tháng. Vợ chồng ông T1, bà H hẹn thời hạn trả nợ, lần 1 vào cuối năm 2022, lần 2 là vào tháng 6/2023. Vợ chồng ông T1, bà H đều ký tên vào giấy vay tiền. Nhưng đến nay vợ chồng ông T1, bà H chưa trả nợ cho vợ chồng ông T1, bà N. Mặc dù vợ chồng ông T1, bà N đã đến đòi nhiều lần, nhưng vợ chồng ông T1, bà H cố tình khất lần không trả tiền.

Nay vợ chồng ông T1, bà N khởi kiện, đề nghị Toà án buộc vợ chồng ông T1, bà H phải trả cho vợ chồng ông T1, bà N số tiền nợ gốc là 92.000.000đ (Chín mươi hai triệu đồng). Tiền lãi tính từ ngày vay là ngày 01/12/2022 đến ngày 01/8/2024 là 20 tháng với mức lãi suất 1%/tháng = $92.000.000đ \times 1\% = 920.000đ \times 20 \text{ tháng} = 18.400.000đ$ (Mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Tổng gốc và lãi là $92.000.000đ + 18.400.000đ = 110.400.000đ$ (Một trăm mười triệu bốn trăm nghìn đồng). Tiền lãi từ ngày 02/8/2024 đến ngày xét xử ngày 26/8/2024 vợ chồng ông T1, bà N không đề nghị tính.

2. Bị đơn ông Nguyễn Văn T1, bà Phan Thị H trình bày:

Ngày 01/12/2022, vợ chồng ông T1, bà H có vay của vợ chồng ông Nguyễn Huy T, bà Đào Thị Thúy N số tiền 92.000.000đ (Chín mươi hai triệu đồng). Khi vay vợ chồng ông T, bà H có viết giấy vay nợ cho vợ chồng ông T, bà N. Vợ chồng ông T, bà H có ký tên và ghi rõ họ tên người vay tiền. Lãi xuất hai bên thỏa thuận miệng là 1%/ tháng. Hẹn thời hạn trả nợ, lần 1 vào cuối năm 2022, lần 2 vào tháng 6/2023. Nhưng đến nay do khó khăn nên vợ chồng ông T, bà H chưa trả được khoản tiền nào cho vợ chồng ông T, bà N. Nay vợ chồng ông T, bà N khởi kiện, đề nghị Toà án buộc vợ chồng ông T, bà H phải trả cho vợ chồng ông T, bà N số tiền nợ gốc là 92.000.000đ (Chín mươi hai triệu đồng). Tiền lãi tính từ ngày vay là ngày 01/12/2022 đến ngày 01/8/2024 là 20 tháng với mức lãi suất 1%/tháng = $92.000.000đ \times 1\% = 920.000đ \times 20 \text{ tháng} = 18.400.000đ$ (Mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Tổng gốc và lãi là $92.000.000đ + 18.400.000đ = 110.400.000đ$ (Một trăm mười triệu bốn trăm nghìn đồng). Quan điểm vợ chồng ông T, bà H nhất trí trả nợ gốc và lãi như vợ chồng ông T, bà N đề nghị. Nhưng do điều kiện khó khăn nên vợ chồng ông T, bà H đề nghị được trả dần cho vợ chồng ông T, bà N làm 03 lần cụ thể: Lần 1: Ngày 29/11/2024, trả số tiền gốc là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Lần 2: Tháng 8/2025, trả số tiền gốc là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Lần 3: Tháng 5/2026, trả số tiền gốc là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng). Đối với số tiền lãi là 18.400.000đ (Mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng), vợ chồng ông T, bà H đề nghị sẽ trả sau.

3. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng hai bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

4. Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Huy T, bà Đào Thị Thúy N.

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Phan Thị H có nghĩa vụ **trả nợ** cho vợ chồng ông Nguyễn Huy T, bà Đào Thị Thúy N số tiền 110.400.000đ (Một trăm mười triệu bốn trăm nghìn đồng). Trong đó, tiền gốc: 92.000.000đ (Chín mươi hai triệu đồng); tiền lãi tính từ ngày vay 01/12/2022 đến ngày 01/8/2024 là 18.400.000đ (Mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Tiền lãi từ ngày 02/8/2024 đến ngày xét xử ngày 26/8/2024 vợ chồng ông T, bà N không đề nghị tính, nên không đạt ra giải quyết.

- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự theo giá ngạch. **Hoàn trả lại cho** vợ chồng ông Nguyễn Huy T, bà Đào Thị Thúy N **số tiền tạm ứng án phí đã nộp**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn là vợ chồng ông Nguyễn Huy T, bà Đào Thị Thúy N. Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là kiện đòi tài sản (đòi tiền), được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn trong vụ án là vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Phan Thị H hiện cư trú tại Khu C, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.3] Về việc vắng mặt của bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Phan Thị H. Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và thông báo mở lại phiên tòa hợp lệ cho ông T1, bà H nhưng ông T1, bà H không đến Tòa án để tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T1, bà H.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về nội dung hợp đồng vay tài sản (vay tiền): Ngày 01/12/2022, vợ chồng ông Nguyễn Huy T, bà Đào Thị Thúy N có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Phan Thị H vay số tiền là 92.000.000đ (Chín mươi hai triệu đồng). Khi vay vợ chồng ông T1, bà H có viết giấy vay nợ, lãi xuất hai bên thỏa thuận miệng là 1%/ tháng. Vợ chồng ông T1, bà H hẹn thời hạn trả nợ, lần 1 vào cuối năm 2022, lần 2 là vào tháng 6/2023. Nhưng đến nay vợ chồng ông T1, bà H chưa trả nợ cho vợ chồng ông T1, bà N. Nay vợ chồng ông T1, bà N khởi kiện, đề nghị Toà án buộc vợ chồng ông T1, bà H phải trả cho vợ chồng ông T1, bà N số tiền nợ gốc là 92.000.000đ (Chín mươi hai triệu đồng). Tiền lãi tính từ ngày vay là ngày 01/12/2022 đến ngày 01/8/2024 là 20 tháng với mức lãi suất 1%/tháng =

$92.000.000đ \times 1\% = 920.000đ \times 20 \text{ tháng} = 18.400.000đ$ (Mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Tổng gốc và lãi là $92.000.000đ + 18.400.000đ = 110.400.000đ$ (Một trăm mười triệu bốn trăm nghìn đồng). Tiền lãi từ ngày 02/8/2024 đến ngày xét xử ngày 26/8/2024 vợ chồng ông T1, bà N không đề nghị tính. Quan điểm vợ chồng ông T1, bà H nhất trí trả nợ gốc và lãi như vợ chồng ông T1, bà N đề nghị. Nhưng do điều kiện khó khăn nên vợ chồng ông T1, bà H đề nghị được trả dần cho vợ chồng ông T1, bà N làm 03 lần cụ thể: Lần 1: Ngày 29/11/2024, trả số tiền gốc là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Lần 2: Tháng 8/2025, trả số tiền gốc là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Lần 3: Tháng 5/2026, trả số tiền gốc là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng). Đối với số tiền lãi là 18.400.000đ (Mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng), vợ chồng ông T1, bà H đề nghị sẽ trả sau.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Huy T, bà Đào Thị Thúy N là có căn cứ bởi lẽ: Hợp đồng vay tài sản (vay tiền) giữa vợ chồng ông Nguyễn Huy T, bà Đào Thị Thúy N và vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Phan Thị H là hợp đồng vay tiền có thời hạn. Đến hạn trả nợ lần 1 vào cuối năm 2022, lần 2 vào tháng 6/2023, vợ chồng ông T1, bà H không trả nợ. Vợ chồng ông T1, bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T1, bà H phải trả cho vợ chồng ông T1, bà N số tiền nợ theo hợp đồng là 92.000.000đ (Chín mươi hai triệu đồng), là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[2.3]. Về thời hạn trả nợ: Vợ chồng ông T1, bà H đề nghị được trả dần cho vợ chồng ông T1, bà N làm 03 lần cụ thể: Lần 1: Ngày 29/11/2024, trả số tiền gốc là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Lần 2: Tháng 8/2025, trả số tiền gốc là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Lần 3: Tháng 5/2026, trả số tiền gốc là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng). Đối với số tiền lãi là 18.400.000đ (Mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng), vợ chồng ông T1, bà H đề nghị sẽ trả sau. Vợ chồng ông T1, bà N không đồng ý. Do vậy đề nghị được trả dần của vợ chồng ông T1, bà H là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[2.4]. Đối với khoản tiền lãi: Vợ chồng ông T1, bà N và vợ chồng ông T1, bà H thống nhất tiền lãi từ ngày vay là ngày 01/12/2022 đến ngày 01/8/2024 là 20 tháng với mức lãi suất $1\%/tháng = 92.000.000đ \times 1\% = 920.000đ \times 20 \text{ tháng} = 18.400.000đ$ (Mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Vợ chồng ông T1, bà H đề nghị sẽ trả sau. Vợ chồng ông T1, bà N không đồng ý. Do vậy đề nghị của vợ chồng ông T1, bà H là không phù hợp nên không được chấp nhận. Tiền lãi từ ngày 02/8/2024 đến ngày xét xử ngày 26/8/2024 vợ chồng ông T1, bà N không đề nghị tính xét thấy là tự nguyện, nên HĐXX không đặt ra xét xét.

Từ những căn cứ nêu trên cần buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Phan Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông Nguyễn Huy T, bà Đào Thị Thúy N tổng số tiền là: 110.400.000đ (Một trăm mười triệu bốn trăm nghìn đồng), trong đó: Tiền gốc: 92.000.000đ (Chín mươi hai triệu đồng). Tiền lãi: 18.400.000đ (Mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Tiền lãi tính từ ngày vay ngày 01/12/2022 đến ngày 01/8/2024. Là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. **Hoàn trả lại cho** vợ chồng ông Nguyễn Huy T, bà Đào Thị Thúy N **số tiền tạm ứng án phí đã nộp.**

[4]. Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa đã phát biểu quan điểm về nội dung vụ án. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của UBTWQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Huy T, bà Đào Thị Thúy N.

+ Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Phan Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông Nguyễn Huy T, bà Đào Thị Thúy N tổng số tiền là: 110.400.000đ (Một trăm mười triệu bốn trăm nghìn đồng), trong đó: Tiền gốc: 92.000.000đ (Chín mươi hai triệu đồng). Tiền lãi: 18.400.000đ (Mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Tiền lãi tính từ ngày vay ngày 01/12/2022 đến ngày 01/8/2024.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị H1 phải chịu 5.520.000đ (Năm triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng), tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Huy T, bà Đào Thị Thúy N số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tạm ứng án phí ông bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/2023, số 0002247 ngày 08/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Khanh